

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2021

V/v: Ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.
2. Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký viên tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/6/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST- DS ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST ngày 28/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Thanh Ng, sinh năm 1987.

Địa chỉ: T, xã PL, huyện N, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn QC, xã QL, huyện N, tỉnh N.

(Chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/6/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nguyên đơn chị Dương Thị Thanh Ng trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Dương Thị Thanh Ng và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, huyện N, tỉnh N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 11/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại thôn QC, xã QL, huyện Nho Quan. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là trước khi kết hôn chưa tìm hiểu kỹ về nhau, quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi, chửi nhau. Đến tháng 5/2016 chị Ng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc nên đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở T, xã PL, huyện N sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia T1, sinh ngày 14/01/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị Ng. Nếu được ly hôn chị Ng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nhưng anh T không đến tòa án làm việc và tại bản khai ngày 23/6/2021 tại gia đình anh T nêu ý kiến, anh đồng ý ly hôn với chị Ng. Tuy nhiên anh không đồng ý để chị Ng nuôi con chung là cháu Bùi Gia T1. Tài sản và công nợ anh T xác định không có.

Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2021 UBND xã QL xác nhận thông tin về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ chung của vợ chồng đúng như chị Ng trình bày.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Dương Thị Thanh Ng và anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Gia T1 sinh ngày 14/01/2015 cho chị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Ng đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn QC, xã QL, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là đúng quy định. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, phiên tòa đã được hoãn lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị Thanh Ng và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã QL, huyện N, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2014. Do vậy hôn nhân giữa chị Ng và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị Ng và anh T hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau về tính cách, hay cãi chửi nhau, từ tháng 5 năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được tòa án tổng đạt thông báo hòa giải nhưng anh T không đến tòa án làm việc hòa giải, chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Thanh Ng là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Vợ chồng chị Ng, anh T có 01 con chung là cháu Bùi Gia T1, sinh ngày 14/01/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị Ng. Chị Ng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy kể từ khi ly thân đến nay, chị Ng là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu T1, anh T có nguyện vọng nuôi con nhưng bản thân anh T là người nghiện ma túy lại bị tai nạn lao động bị tàn tật, để bảo đảm sự ổn định về sinh sống và học tập của cháu và xét nguyện vọng của chị Ng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng, tiếp tục giao cháu T1 cho chị Ng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chị Ng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ng, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ng phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227, Điều 228 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử: cho chị Dương Thị Thanh Ng được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia T1, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị Thanh Ng phải nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Ng, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNQ tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- THADS huyện Nho Quan;
- UBND xã QL;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

HỨA CÔNG NGUYÊN